

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

**MST: 0900613295**

===== \* \* \* =====

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

*NĂM 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>507,652,611,267</b>	<b>373,451,473,595</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>8,614,078,932</b>	<b>2,413,161,764</b>
1. Tiền	111		4,196,314,014	2,413,161,764
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,417,764,918	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197,957,525,815</b>	<b>180,071,276,232</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	175,023,834,795	144,731,628,576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.03</b>	28,595,790,691	40,617,257,375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7,180,000	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.04</b>	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.05a</b>	170,307,004	170,307,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.06</b>	(5,839,586,675)	(5,447,916,723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>299,039,607,158</b>	<b>189,308,570,558</b>
1. Hàng tồn kho	141		299,039,607,158	189,308,570,558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,041,399,362</b>	<b>1,658,465,041</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.10a</b>	144,158,603	156,790,422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,840,274,094	1,444,707,954
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>187,707,580,295</b>	<b>199,317,367,201</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11,248,000,000</b>	<b>15,000,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.05b</b>	11,248,000,000	15,000,000,000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63,727,436,271</b>	<b>72,622,392,861</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.08</b>	61,702,179,686	69,381,982,316
- Nguyên giá	222		130,764,633,245	131,860,358,313
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(69,062,453,559)	(62,478,375,997)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,025,256,585	3,240,410,545
- Nguyên giá	225		4,860,615,825	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(2,835,359,240)	(1,620,205,280)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>56,654,844,987</b>	<b>56,654,844,987</b>
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>2,451,109,086</b>	<b>700,000,000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,451,109,086	700,000,000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>53,003,533,569</b>	<b>53,003,533,569</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>622,656,382</b>	<b>1,336,595,784</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.10b</b>	622,656,382	1,336,595,784
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>695,360,191,562</b>	<b>572,768,840,796</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**( Tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>334,425,699,269</b>	<b>245,856,009,573</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>332,981,949,269</b>	<b>244,412,259,573</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	107,056,544,423	31,801,895,235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	431,788,960	705,701,109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13,617,610,349	757,349,219
4. Phải trả người lao động	314		251,960,003	264,293,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	255,388,716	326,212,388
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	32,480,000	25,763,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	211,096,563,968	210,531,045,622
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,443,750,000</b>	<b>1,443,750,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,443,750,000	1,443,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>360,934,492,293</b>	<b>326,912,831,223</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>360,934,492,293</b>	<b>326,912,831,223</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	255,000,000,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bổ sung	411B		280,499,680,000	255,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79,878,786,595	71,912,831,223
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18,107,451,055	66,352,574,239
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61,771,335,540	5,560,256,984
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>695,360,191,562</b>	<b>572,768,840,796</b>

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

*Lao Thị Hải Yến*

*Lao Thị Hải Yến*

*Hải Thị Hải Vân*



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính  
Quý IV năm 2021

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	290,008,103,354	186,067,772,408	1,123,697,019,902	778,959,364,574
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	190,094,095	196,628,874
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		290,008,103,354	186,067,772,408	1,123,506,925,807	778,762,735,700
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	253,311,283,666	173,130,951,409	1,019,249,205,306	745,210,223,029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		36,696,819,688	12,936,820,999	104,257,720,501	33,552,512,671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	71,683,509	9,170,606	150,877,272	4,679,259,658
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5,244,069,637	8,349,573,083	18,309,555,073	19,455,727,036
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,329,839,320	8,223,196,744	16,960,418,459	19,329,350,697
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	649,397,768	600,063,743	1,912,698,486	2,661,628,686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,310,785,332	3,489,186,155	5,707,823,451	7,466,306,979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		29,564,250,460	507,168,624	78,478,520,763	8,648,109,628
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10,929,110	24,010	84,388,150	94,884,726
12. Chi phí khác	32	VI.8	355,129,843	297,871,747	884,266,959	1,573,284,710
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(344,200,733)	(297,847,737)	(799,878,809)	(1,478,399,984)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29,220,049,727	209,320,887	77,678,641,954	7,169,709,644
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5,930,814,960	134,591,399	15,739,306,414	1,812,161,356
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính  
Quý IV năm 2021

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	23,289,234,767	74,729,488	61,939,335,540	5,357,548,288
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	830.28	2,208.18	210.10
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10			

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



*Xoa Thị Hải Yến*

Kế toán trưởng



*Xoa Thị Hải Yến*



Chức vụ HĐQT

*Xoa Thị Hải Yến*



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Quý 4 năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>33,712,073,087</b>	<b>32,477,197,702</b>
1. Lợi nhuận trước thuế		77,678,641,954	7,422,537,634
2. Điều chỉnh cho các khoản		26,522,248,956	27,224,839,227
+ Khấu hao tài sản cố định		8,421,734,792	11,196,407,768
+ Các khoản dự phòng		391,669,952	1,368,954,910
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		1,349,136,614	9,584,769
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư			(4,563,973,806)
+ Chi phí lãi vay		16,359,707,598	19,213,865,586
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104,200,890,910	34,647,376,861
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(18,666,305,675)	95,822,536,522
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(109,731,036,600)	(14,296,145,562)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		77,169,428,175	(64,368,698,665)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		726,571,221	1,469,301,236
- Tiền lãi vay đã trả		(16,102,750,287)	(19,433,061,170)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3,884,724,657)	(1,364,111,520)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		33,712,073,087	32,477,197,702
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(773,012,645)</b>	<b>(48,943,615,480)</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1,018,489,917)	(788,550,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác		94,600,000	286,000,000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(100,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			51,471,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		150,877,272	87,934,520
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(26,738,143,274)	17,660,334,729
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành			
3. Tiền thu từ đi vay		500,515,306,641	378,635,705,425
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(499,124,788,295)	(360,150,370,696)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(825,000,000)	(825,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27,303,661,620)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6,200,917,168	1,193,916,951
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2,413,161,764	1,221,168,629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(1,923,816)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		8,614,078,932	2,413,161,764

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Chủ tịch HĐQT

Lao Thị Hải Yến

Lao Thị Hải Yến



Lao Thị Hải Yến



# **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4 năm 2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 48 nhân viên đang làm việc

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phụng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

#### 9. Bất động sản đầu tư



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 13. **Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	689.924.454	2.413.161.764
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.924.154.478	
<b>Cộng</b>	<b>8.614.078.932</b>	<b>2.413.161.764</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	175.023.834.795	144.731.628.576
<b>Cộng</b>	<b>175.023.834.795</b>	<b>144.731.628.576</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	28.595.790.691	40.617.257.375
<b>Cộng</b>	<b>28.595.790.691</b>	<b>40.617.257.375</b>

**4. Phải thu khác:****a. Phải thu ngắn hạn khác:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	0	0
Ký quỹ, ký cược	170.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>170.307.004</b>	<b>170.307.004</b>

**b. Phải thu dài hạn khác:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác	11.248.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.248.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**5. Nợ xấu**

<i>Các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Dư Nợ 131</b>	<b>487.104.400</b>	<b>243.552.205</b>	<b>847.104.409</b>	<b>243.552.205</b>
Công ty CP Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.132	443.864.265	221.932.132
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	21.620.072	43.240.144	21.620.072
<b>Dư nợ 331</b>	<b>230.256.155</b>	<b>230.256.155</b>	<b>230.256.155</b>	<b>155.128.078</b>
Công ty CP Cơ điện và PCC Thái Dương	230.256.155	230.256.155	230.256.155	115.128.077
<b>Cộng</b>	<b>717.360.564</b>	<b>473.808.360</b>	<b>717.360.564</b>	<b>856.830.281</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Hàng tồn kho**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	942.435.644	1.097.465.711
Công cụ, dụng cụ	80.681.767	398.473.067
Thành phẩm	2.131.843.376	10.332.375.079
Hàng đang di chuyển	7.548.019.276	0
Hàng hóa	288.336.627.095	177.480.256.701
<b>Cộng</b>	<b>299.039.607.158</b>	<b>189.308.570.558</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	80.006.801	83.752.428
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	64.151.802	73.037.944
<b>Cộng</b>	<b>144.158.603</b>	<b>156.790.422</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	312.535.006	1.127.809.667
Chi phí sửa chữa		
Chi phí bảo hiểm		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	310.121.382	208.786.142
<b>Cộng</b>	<b>622.656.382</b>	<b>1.336.595.784</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		<b>700.000.000</b>
Công trình dự án nhà hàng – Khách sạn	2.242.097.438	700.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	209.011.648	
<b>Cộng</b>	<b>2.451.109.086</b>	<b>700.000.000</b>

# **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chi Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	67.591.873.854	55.971.585.479	7.441.862.727	293.308.980	561.727.273	131.860.358.313
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)		343.636.364			469.483.553	813.119.917
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)	(55.170.000)	(1.505.127.171)	(496.500.000)		(57.417.273)	(2.114.214.985)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.536.703.854</b>	<b>55.015.464.131</b>	<b>6.945.362.727</b>	<b>293.308.980</b>	<b>973.793.553</b>	<b>130.764.633.245</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	16.901.801.280	39.409.096.606	5.690.832.047	293.308.980	477.675.607	62.478.375.997
Khấu hao	2.921.303.852	4.445.979.576	1.054.451.364			8.421.734.792
Giảm khấu hao	(55.170.000)	(1.228.569.957)	(496.500.000)	-	(57.417.273)	(1.837.657.230)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.767.935.132</b>	<b>42.262.506.225</b>	<b>5.954.444.888</b>	<b>293.308.980</b>	<b>420.258.334</b>	<b>69.062.453.559</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	50.690.072.574	16.562.488.873	2.045.369.203		84.051.666	69.381.982.316
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.768.768.722</b>	<b>12.388.957.906</b>	<b>990.917.839</b>		<b>553.535.219</b>	<b>61.702.179.686</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>56.654.844.987</b>	-	-	<b>56.654.844.987</b>
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987
<b>Giá trị hao mòn</b>				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>56.654.844.987</b>	-	-	<b>56.654.844.987</b>
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng . diện tích 1052.2 m <sup>2</sup> (1)	25.073.061.987	-	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng . diện tích 2002.9 m <sup>2</sup> (2)	31.581.783.000	-	31.581.783.000
<b>Cộng</b>	<b>56.654.844.987</b>	-	<b>56.654.844.987</b>

(1) Là quyền sử dụng Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 11 năm 2010 cho Công ty Cổ phần bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/07/2016 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết</i>	<b>53.003.533.569</b>	-	<b>53.003.533.569</b>	
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569	-	53.003.533.569	
<b>Cộng</b>	<b>53.003.533.569</b>	-	<b>53.003.533.569</b>	

Tại thời điểm 31/12/2021. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>107.056.544.423</b>	<b>31.801.895.235</b>
<b>Cộng</b>	<b>107.056.544.423</b>	<b>31.801.895.235</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>431.788.960</b>	<b>705.701.109</b>
<b>Cộng</b>	<b>431.788.960</b>	<b>705.701.109</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.829.364	19.564.490	19.564.490	-	23.829.364
Thuế xuất. nhập khẩu	-	33.137.301			-	33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.486.550.219		15.739.306.414	3.884.724.657	631.968.462	
Thuế thu nhập cá nhân	407.774.825	-		387.974.825	19.800.000	-
						0
Thuế nhà đất	287.128.800		1.159.916.392	872.787.592	0	
Phí. lệ phí và các khoản phải nộp khác	436.156.505	-	346.160.914	15.901.192	105.580.757	-
<b>Cộng</b>	<b>13.617.610.349</b>	<b>56.966.665</b>	<b>17.265.264.236</b>	<b>5.180.952.756</b>	<b>757.349.219</b>	<b>56.966.665</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả ngắn hạn khác****a. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay phải trả	255.388.716	326.212.388
<b>Cộng</b>	<b>255.388.716</b>	<b>326.212.388</b>

**b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:**

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	32.175.000	25.133.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	305.000	630.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		0
<b>Cộng</b>	<b>32.480.000</b>	<b>25.763.000</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính:****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:**

Vay ngắn hạn ngân hàng	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	119.957.275.587	119.957.275.587	118.572.444.078	118.572.444.078
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	91.139.288.381	91.139.288.381	91.133.601.544	91.133.601.544
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác			-	-
<b>Cộng</b>	<b>211.921.563.968</b>	<b>211.921.563.968</b>	<b>210.531.045.622</b>	<b>210.531.045.622</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD1002020198 ngày 06 tháng 11 năm 2020. Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VNĐ. mục đích để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L-C và chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 01 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến hết ngày 05/11/2021. lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 22/2020/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 26 tháng 02 năm 2021 Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VNĐ. mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thép các loại. Khoản vay có thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/02/2021 đến hết ngày 26.02.2022. lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

#### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)	1.443.750.000	1.443.750.000	2.268.750.000	2.268.750.000
<b>Cộng</b>	<b>1.443.750.000</b>	<b>1.443.750.000</b>	<b>2.268.750.000</b>	<b>2.268.750.000</b>

(iii) Là khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2019. Tài sản thuê: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton. nhãn hiệu AMADA. xuất xứ Nhật Bản. sản xuất năm 2010. chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo. Mục đích sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ bao gồm VAT. số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ. dư nợ thuê gốc 3.300.000.000 VNĐ. Thời hạn cho thuê 48 tháng.

Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 3 tháng/lần, nợ lãi 3 tháng/lần.

Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ: 1.443.750.000 VNĐ

Chi tiết phát sinh của các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.443.750.000	825.000.000		2.268.750.000
<b>Cộng</b>	<b>1.443.750.000</b>	<b>825.000.000</b>		<b>2.268.750.000</b>

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
----------------	------------------------	-----------------------	-----------------------------------	------



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm	255.000.000.000		71.912.831.223	326.912.831.223
Tăng vốn từ TNST	25.499.680.000		(25.499.680.000)	(25.499.680.000)
Chia cổ tức			(27.303.661.620)	(27.303.661.620)
Trích lập quỹ đầu tư Phát triển		556.025.698	(556.025.698)	
Trích lập quỹ Phúc lợi			(278.012.850)	(278.012.850)
Chi tra tiền thù lao 2020				
Trích lập thù lao 2021			(168.000.000)	(168.000.000)
Lợi nhuận			61,771,335,540	61,771,335,540
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>280.499.680.000</b>	<b>556.025.698</b>	<b>79.878.786.595</b>	

**b) Cổ phiếu**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	1.114.265.541.361	772.895.702.372
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.624.453.213	5.583.001.291
Doanh thu khác	1.807.025.328	480.660.911
<b>Cộng</b>	<b>1.123.697.019.902</b>	<b>778.959.364.574</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Hàng bán bị trả lại	171.840.335	196.628.874
Giảm giá hàng bán	18.253.760	
<b>Cộng</b>	<b>190.094.095</b>	<b>196.628.874</b>

**20. Giá vốn hàng bán**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.009.632.473.835	731.354.555.263
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.622.132.471	13.855.667.766
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>1.019.249.205.306</b>	<b>745.210.223.029</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	150.877.272	54.634.519
Lãi chênh lệch tỷ giá		33.300.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần		4.474.533.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại		116.791.570
<b>Cộng</b>	<b>150.877.272</b>	<b>4.679.259.658</b>

**22. Chi phí tài chính**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Chi phí lãi vay	16,960,418,459	19.218.543.470
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,349,136,614	126.376.339
Lãi chậm trả		110.807.227
<b>Cộng</b>	<b>18.309.555.073</b>	<b>19.455.727.036</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23. Chi phí bán hàng**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Chi phí cho nhân viên	919.960.000	1.104.636.000
Chi phí đồ dùng dụng cụ	12.460.351	24.969.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.042.268	470.042.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.249.698	872.935.364
Chi phí bằng tiền khác	347.986.169	189.045.358
<b>Cộng</b>	<b>1.912.698.486</b>	<b>2.661.628.686</b>

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Chi phí cho nhân viên	1.277.897.000	1.823.013.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.615.773	79.988.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	772.872.260	913.415.720
Thuế, phí và lệ phí	33.817.858	20.951.192
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	506.798.029	1.368.954.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.000.001	53.495.458
Hoàn nhập dự phòng	-115.128.077	
Các chi phí khác	3.204.950.607	3.206.488.578
<b>Cộng</b>	<b>5.707.823.451</b>	<b>7.466.306.979</b>

**25. Thu nhập khác**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Linh kiện được khuyến mại		
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	84.388.150	94.884.726
<b>Cộng</b>	<b>84.388.150</b>	<b>94.884.726</b>

**26. Chi phí khác**

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	276.557.755	
Lãi chậm nộp		
Tiền phạt, phí, lệ phí		1.049.544.963
Tiền đền bù hàng bị lỗi		
Chi phí khấu hao không hợp lệ		168.103.335
Chi phí khác	607.709.204	355.636.412
<b>Cộng</b>	<b>884.266.959</b>	<b>1.573.284.710</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 27. Lãi trên cổ phiếu

*Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV năm 2021	Lũy kế quý IV năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.939.335.540	5.357.548.288
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.049.968	25.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2 208.18</b>	<b>210.11</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập ngày 19 tháng 1 năm 2022

Cao Thị Hải Yến  
Người lập biểu

Cao Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân  
Chủ tịch HĐQT